

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về chủ trương đầu tư
Dự án: Nâng cấp trạm bơm An Trạch, Phước An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/06/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND huyện Tuy Phước về quy định mức vốn dự án đầu tư công nhóm C HĐND huyện giao UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 9473/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt danh mục, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho huyện và nguồn vốn huyện quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện tại Tờ trình số 147/TTr-BQL ngày 16/03/2022 và của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Báo cáo số 75/BC-PTCKH ngày 16/03/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp trạm bơm An Trạch, Phước An, với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Nâng cấp trạm bơm An Trạch, Phước An.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án ĐTXD & PTQĐ huyện.

3. Địa điểm đầu tư: xã Phước An, huyện Tuy Phước.

4. Nhóm dự án: Nhóm C.

5. Mục tiêu đầu tư: Nhằm đảm bảo cung cấp nước tưới ổn định cho 290 ha đất sản xuất nông nghiệp của 04 thôn An Hoà 1, An Hoà 2, Ngọc Thanh 1 và Ngọc Thanh 2 thuộc xã Phước An.

6. Nội dung và quy mô đầu tư:

6.1. Trạm bơm:

- Lưu lượng thiết kế trạm bơm Q_{TK}: 0,464m³/s (1670m³/h).

- Loại máy bơm: Máy bơm ly tâm trục ngang. $Q_b=470 \text{ m}^3/\text{h}$. $H_b=16\text{m}$. Số tổ máy: 04 tổ máy (01 máy dự trữ). Công suất trạm bơm ($33\text{Kw} \times 3$)= 99 kw .

- Kênh dẫn vào bể hút của trạm bơm chiều dài $L = 10\text{m}$. Tiết diện kênh hình chữ nhật, chiều rộng đáy kênh $B_k = (9,40 \div 7,00)\text{m}$, chiều cao tường kênh $H_k = (1,50 \div 3,60)\text{m}$, chiều dày tường bê tông 40cm , độ dốc $i=0,025$. Kết cấu tường kênh bằng BTCT M200; đáy kênh gia cố đá lát khan dày 20cm và lớp đá dăm 4×6 dày 10cm . Phía ngoài xếp 01 hàng rọ đá chống xói lở đáy kênh dẫn vào bể hút.

- Bể hút: Kích thước bể ($B \times L \times H$) = $(7,0 \times 5,0 \times 4,0)\text{m}$. Tường bên và bản đáy dày 50cm , có bố trí các bậc thang sắt lên xuống thuận tiện cho công tác vận hành. Gia cố hành lang quanh thành bể bằng bê tông M200 dày 20cm , rộng 2m kết hợp lan can sắt bảo vệ. Kết cấu bể hút bằng BTCT M200.

- Hệ thống đường ống hút: Ống thép $D250\text{mm}$, dày 5mm . Chiều dài đường ống $L = 10 \times 4 = 40\text{m}$ đặt trên các mô đỡ bằng bê tông M200. Mái dốc đường ống kết cấu bằng bê tông M200 dày 20cm , hệ số mái $m = 2,00$.

- Hệ thống đường ống đẩy: Ống thép $D200\text{mm}$ dày 5mm . Chiều dài đường ống $L = 8,0 \times 4 = 32,0\text{m}$.

- Bể xả: Kích thước bể ($B \times L \times H$) = $(6,8 \times 6,0 \times 1,8)\text{m}$, tường bên và bản đáy dày 30cm . Kết cấu bể xả bằng BTCT M200.

- Kênh tưới sau bể xả: Xây dựng mới đoạn kênh sau bể xả thay thế kênh cũ đá xây bị hư hỏng với chiều dài $12,30\text{m}$ kết nối với cống qua đường và tiếp giáp với kênh chính trạm bơm hiện có; kích thước ($b \times h$) = $(1,2 \times 1,5)\text{m}$, tường bên và bản đáy dày 30cm . Độ dốc đáy kênh $i = 0,0005$. Kết cấu bằng bê tông M200; đoạn giáp đường bê tông vào công trình có bố trí tấm đan BTCT M200, kích thước $(180 \times 65 \times 15)\text{cm}$.

- Bờ ngăn nước: Đồ đá hộc gia cố bờ ngăn nước kết cấu đá hộc hiện có. Chiều dài phần gia cố $L=30\text{m}$; Cao trình đỉnh bờ ngăn $4.40\text{m} \div 3,40\text{m}$; bề rộng bờ ngăn $B=2\text{m}$;

- Nhà vận hành trạm bơm: Xây dựng mới nhà vận hành trạm bơm giáp với nhà quản lý hiện có; diện tích xây dựng $S = 37,80 \text{ m}^2$. Nhà gồm 1 phòng điều khiển kết hợp làm phòng trực. Lắp đặt hệ thống điện điều khiển cho 4 động cơ 33kW và phục vụ chiếu sáng trong nhà.

6.2. Phần điện ngoài nhà máy:

- Hiện trạng hệ thống điện của công trình đã có đường dây điện và 01 trạm biến áp 3 pha $400\text{kVA}-22/0,4\text{kV}$.

- Để đảm bảo công suất điện tiêu thụ vận hành cho công trình không bị quá tải cần bổ sung thêm 01 tủ điện bù hạ thế cho trạm là $210\text{kVAr} - 400\text{V}$ điều khiển đóng cắt tự động theo hệ số công suất $\cos\phi \geq 0,9$.

7. Dự kiến tổng mức đầu tư: 4.894.471.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm chín mươi bốn triệu, bốn trăm bảy mươi một ngàn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	3.386.855.000 đồng;
- Chi phí thiết bị:	530.861.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	121.309.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	293.066.000 đồng;
- Chi phí khác:	127.216.000 đồng;
- Chi phí GPMB:	200.000.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	231.164.000 đồng.

8. Nguồn vốn đầu tư và khả năng cân đối vốn:

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác.
- Khả năng cân đối vốn: Theo kế hoạch bố trí vốn năm 2022 và kế hoạch bố trí vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

9. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022 - 2024.

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án ĐTXD & PTQĐ huyện (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo nội dung nêu tại Điều 1 và đúng quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện, Trưởng phòng Nông nghiệp & PTNT huyện, Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD & PTQĐ huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu HS (10);
- Lưu VT.K₃. T15.

Huỳnh Nam